

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 24 - 9 - 2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Đình Nghệ.

*Các Thẩm phán:* Ông Dương Quốc Tuấn.

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Ông Nguyễn Đồng Khởi – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, về “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2018/HNGĐ-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2018/QĐPT-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khóm X, phường Y, thị xã Z, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Anh Phạm Thanh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Thanh N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân do anh N không quan tâm, chăm lo vợ con, từ đó dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 16/9/2016, hiện nay cháu K đang sống với anh N. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình vợ chồng chung sống, sau khi bán, đổi và mua vàng nhiều lần thì hiện nay chị đang quản lý 11 chỉ vàng 24k loại 9999 và 17 chỉ vàng 18k; anh N quản lý 05 chỉ vàng 24k loại 9999 và số tiền bán vàng là 21.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu chia đôi số tài sản nêu trên.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Thanh N trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, con chung; về tài sản chung hiện nay còn lại 21.000.000 đồng và 16 chỉ vàng 24k loại 9999 là đúng, tuy nhiên đối với vàng 18k là 19 chỉ vàng không phải là 17 chỉ vàng như chị H trình bày. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn mà chị H trình bày là không đúng vì giữa anh với chị H không có mâu thuẫn gì, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung anh yêu cầu chia đôi, tại phiên tòa sơ thẩm anh cho rằng đã chi xài hết 05 chỉ vàng 24k và số tiền 21.000.000 đồng nên không đồng ý chia tài sản này. Về nợ chung thì không có.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 05/2018/HNGĐ-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh N.

Về con chung: Buộc anh Phạm Thanh N có trách nhiệm giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 16/9/2016 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh Nhân chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho anh Phạm Thanh N không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung:

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải giao lại cho anh Phạm Thanh N 03 chỉ vàng 24k loại 9999 và 08 chỉ 05 phân vàng 18k.

- Buộc anh Phạm Thanh N phải giao lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 10.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 23/01/2018, anh Phạm Thanh N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung: Anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ; Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Đối với tài sản chung 21.000.000 đồng tiền mặt anh đã chi tiêu cho việc nuôi con nên không đồng ý chia số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thành N, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị H khởi kiện xin ly hôn với anh N. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo quan hệ pháp luật là tranh chấp “ly hôn” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Phạm Thanh N có đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh Phạm Thanh N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Trong thời gian chung sống anh N và chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết nhằm hàn gắn lại mối

quan hệ vợ chồng. Anh, chị đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay, phía anh N cho rằng vì còn thương vợ, con nên yêu cầu đoàn tụ, nhưng chị H không đồng ý; anh N không tranh thủ hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và hiện tại hai người vẫn sống ly thân. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có căn cứ phù hợp với qui định theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Chị H và anh N chung sống có 01 đứa con chung tên Phạm Đăng K, sinh ngày 16/9/2016. Do cháu K chưa đủ 36 tháng tuổi nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cháu K cho chị H được quyền nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi chị H và anh N phát sinh mâu thuẫn và ly thân, lúc đó cháu K chỉ được khoảng 08 tháng tuổi, khi chị H về bên cha mẹ ruột ở thì không bồng cháu K theo mà để lại cho anh N nuôi dưỡng. Từ đó đến nay anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu và hiện tại sức khỏe cháu vẫn phát triển bình thường. Ngoài ra, tại phiên tòa ngày 06/8/2018 chị H trình bày rằng, nếu chị được nuôi con thì chị gửi cho cha mẹ ruột chị nuôi dưỡng nhờ, vì chị đang làm nghề tóc tại thành phố Hồ Chí Minh không có điều kiện trực tiếp nuôi. Từ đó cho thấy chị H không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, nếu giao cháu K cho chị H nuôi thì sẽ không đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh N, giao cháu K cho anh N được quyền nuôi dưỡng. Do anh N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa phúc thẩm anh N rút kháng cáo không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Thanh N.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 05/2018/HNGĐ-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Thanh N.

2. Về con chung: Anh Phạm Thanh N được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 16/9/2016 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi); chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị Nguyễn Thị H, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị H được sở hữu 08 chỉ 05 phân vàng 18k; 08 chỉ vàng 24k và 10.500.000 đồng.

Anh Phạm Thanh N được sở hữu 08 chỉ 05 phân vàng 18k; 08 chỉ vàng 24k và 10.500.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm giao cho anh Phạm Thanh N 08 chỉ 05 phân vàng 18k và 03 chỉ vàng 24k.

Buộc anh Phạm Thanh N có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị H số tiền là 10.500.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), chuyển 2.100.000<sup>d</sup> (Hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai số 0013667 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị Nguyễn Thị H được nhận lại 1.800.000<sup>d</sup> (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 3.144.032<sup>d</sup> (Ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Anh Phạm Thanh N phải chịu 3.144.032<sup>d</sup> (Ba triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Chuyển 4.616.000<sup>d</sup> (Bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0013682 ngày 20/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Anh Phạm Thanh N được nhận lại 1.471.968<sup>d</sup> (Một triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng đồng).

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Phạm Thanh N không phải chịu. Anh Phạm Thanh N được nhận lại 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0015678 ngày 25/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24/9/2018.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Đình Nghệ**